

Số: /SNV-TCBC  
V/v thực hiện tinh giản biên chế  
theo Nghị định số 29/2023/NĐ-CP  
ngày 03/6/2023 của Chính phủ

Quảng Ngãi, ngày tháng năm 2023

Kính gửi:

- Các sở, ban, ngành;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND tỉnh;
- Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ;
- Hội quần chúng do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ.

Căn cứ Nghị định số 29/2023/NĐ-CP ngày 03/6/2023 của Chính phủ Quy định về tinh giản biên chế;

Thực hiện Công văn số 3119/UBND-NC ngày 05/7/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc triển khai thực hiện chính sách tinh giản biên chế theo Nghị định số 29/2023/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ, Công văn số 3689/UBND-NC ngày 03/8/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc điều chỉnh nội dung tại Công văn số 3119/UBND-NC ngày 05/7/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh;

Sở Nội vụ triển khai đến các cơ quan, đơn vị và địa phương một số điểm mới cơ bản của Nghị định số 29/2023/NĐ-CP ngày 03/6/2023 của Chính phủ quy định về tinh giản biên chế và hướng dẫn thủ tục hồ sơ giải quyết chính sách tinh giản biên chế, cụ thể như sau:

## **I. Những điểm mới cơ bản của Nghị định số 29/2023/NĐ-CP**

### **1. Bổ sung đối tượng thực hiện chính sách tinh giản biên chế (Điều 2)**

a) Đối tượng cán bộ, công chức đang trong thời gian bị kỷ luật nhưng chưa đến mức bị bãi nhiệm hoặc bị buộc thôi việc theo quy định của pháp luật tại thời điểm tinh giản biên chế, cá nhân tự nguyện tinh giản biên chế, được cơ quan, tổ chức, đơn vị trực tiếp quản lý đồng ý.

b) Đối tượng cán bộ, công chức, viên chức trong năm trước liền kề được xếp loại chất lượng ở mức hoàn thành nhiệm vụ, tự nguyện tinh giản biên chế, được cơ quan, tổ chức, đơn vị trực tiếp quản lý đồng ý.

c) Đối tượng cán bộ, công chức, viên chức trong năm xét tinh giản biên chế được xếp loại chất lượng ở mức hoàn thành nhiệm vụ trở xuống, tự nguyện tinh giản biên chế, được cơ quan, tổ chức, đơn vị trực tiếp quản lý đồng ý.

d) Đối tượng cán bộ, công chức, viên chức trong năm xét tinh giản biên chế có tổng số ngày nghỉ làm việc bằng hoặc cao hơn số ngày nghỉ tối đa do ốm đau theo quy định, có xác nhận của cơ quan Bảo hiểm xã hội, cá nhân tự nguyện tinh giản biên chế, được cơ quan, tổ chức, đơn vị trực tiếp quản lý đồng ý.

đ) Đối tượng người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã dôi dư do sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố dôi dư do sắp xếp thôn, tổ dân phố khi sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã nghỉ trong thời gian 12 tháng kể từ khi có quyết định sắp xếp của cấp có thẩm quyền.

## **2. Về nguyên tắc tinh giản biên chế (Điều 3)**

Quy định đối tượng tinh giản biên chế nếu được bầu cử, tuyển dụng lại vào các cơ quan, tổ chức, đơn vị hưởng lương từ ngân sách nhà nước trong thời gian 60 tháng kể từ ngày thực hiện tinh giản biên chế thì phải hoàn trả lại số tiền trợ cấp đã nhận cho cơ quan, tổ chức, đơn vị đã chi trả trợ cấp.

## **3. Đối tượng chưa giải quyết tinh giản biên chế (Điều 4)**

a) Bỏ đối tượng: Những người đang trong thời gian ốm đau có xác nhận của cơ quan y tế có thẩm quyền;

b) Bỏ đối tượng: Những người đang trong thời gian mang thai, nghỉ thai sản, đang nuôi con dưới 36 tháng tuổi, tự nguyện tinh giản biên chế.

c) Bổ sung đối tượng: Những người đang trong thời gian xem xét kỷ luật hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc ***bị thanh tra, kiểm tra do có dấu hiệu vi phạm.***

## **4. Về chính sách tinh giản biên chế**

### ***4.1. Về chính sách nghỉ hưu trước tuổi (Điều 5)***

a) Việc xác định tuổi hưởng chính sách nghỉ hưu trước tuổi đối với cán bộ, công chức, viên chức được xác định theo tuổi nghỉ hưu thực tế của từng người (quy định tại Phụ lục I, Phụ lục II Nghị định số 135/2020/NĐ-CP) để đảm bảo phù hợp với quy định tại điểm a khoản 1 Điều 219 Bộ luật Lao động năm 2019 và tuổi bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử tại Kết luận số 08-KL/TW ngày 15/6/2021 của Ban Chấp hành Trung ương.

b) Điều chỉnh điều kiện hưởng chính sách nghỉ hưu trước tuổi đối với nữ cán bộ, công chức cấp xã có từ đủ 15 năm đến dưới 20 năm đóng bảo hiểm xã hội và đủ tuổi đời hưởng chế độ hưu trí theo quy định của Nghị định số 135/2020/NĐ-CP đảm bảo phù hợp với quy định tại điểm a khoản 1 Điều 219 Bộ luật Lao động năm 2019.

***4.2. Bổ sung 02 chính sách nhằm khuyến khích cán bộ, công chức, viên chức cấp huyện, cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn tổ dân phố dôi dư do sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã, cụ thể:***

a) Chính sách nghỉ hưu trước tuổi đối với cán bộ, công chức cấp xã dôi dư do sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã có tuổi thấp hơn tối đa đủ 10 tuổi và thấp hơn tối thiểu trên 05 tuổi so với tuổi nghỉ hưu theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội (Điều 8)

- Điều kiện hưởng chính sách: (1) Có tuổi đời thấp hơn tối đa đủ 10 tuổi và thấp hơn tối thiểu trên 05 tuổi so với tuổi nghỉ hưu quy định tại Phụ lục I, Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 135/2020/NĐ-CP; (2) Có đủ 20 năm đóng bảo hiểm xã hội trở lên;

- Về chính sách: Ngoài hưởng lương hưu theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội còn được hưởng các chính sách sau: (1) Được trợ cấp 1,5 tháng tiền lương bình quân cho mỗi năm nghỉ hưu trước tuổi so với tuổi nghỉ hưu; (2) Được trợ cấp 05 tháng tiền lương bình quân cho hai mươi năm đầu công tác, có đóng đủ bảo hiểm xã hội bắt buộc. Từ năm thứ hai mươi một trở đi, cứ mỗi năm công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc được trợ cấp 1/2 tháng tiền lương.

b) Chính sách đối với đối tượng tinh giản biên chế dôi dư do sắp xếp lại đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã nghỉ từ khi có quyết định sắp xếp của cấp có thẩm quyền đến trước thời điểm kết thúc lộ trình sắp xếp (Điều 9)

- Đối với cán bộ, công chức, viên chức cấp huyện, cấp xã dôi dư do sắp xếp lại đơn vị hành chính, ngoài hưởng một trong các chính sách như các trường hợp tinh giản biên chế khác thì **được hưởng thêm mức trợ cấp** như sau:

+ Đối với cán bộ:

(1) Nếu nghỉ trong thời gian 12 tháng kể từ khi có quyết định của cấp có thẩm quyền: Cứ mỗi tháng nghỉ trước so với thời điểm kết thúc nhiệm kỳ thì được hưởng trợ cấp bằng 1/2 tháng tiền lương hiện hưởng;

(2) Nếu nghỉ sau 12 tháng kể từ khi có quyết định sắp xếp của cấp có thẩm quyền đến trước thời điểm kết thúc nhiệm kỳ: Cứ mỗi tháng nghỉ trước so với thời điểm kết thúc nhiệm kỳ thì được hưởng trợ cấp bằng 1/4 tháng tiền lương hiện hưởng;

(3) Riêng đối tượng có thời điểm nghỉ hưu trước thời điểm kết thúc nhiệm kỳ thì số tháng được hưởng trợ cấp được tính bằng số tháng nghỉ trước so với thời điểm nghỉ hưu nêu trên.

+ Đối với công chức, viên chức:

(1) Nếu nghỉ trong thời gian 12 tháng kể từ khi có quyết định của cấp có thẩm quyền: Cứ mỗi tháng nghỉ trước so với thời điểm kết thúc lộ trình giải quyết cán bộ, công chức, viên chức dôi dư theo quyết định của cấp có thẩm quyền thì được hưởng trợ cấp bằng 1/2 tháng tiền lương hiện hưởng;

(2) Nếu nghỉ sau 12 tháng kể từ khi có quyết định sắp xếp của cấp có thẩm quyền đến trước thời điểm kết thúc lộ trình sắp xếp: Cứ mỗi tháng nghỉ trước so với thời điểm kết thúc lộ trình giải quyết cán bộ, công chức, viên chức

dôi dư theo quyết định của cấp có thẩm quyền thì được hưởng mức trợ cấp bằng 1/4 tháng tiền lương hiện hưởng;

(3) Riêng đối tượng có thời điểm nghỉ hưu trước thời điểm kết thúc lộ trình sắp xếp thì số tháng được hưởng trợ cấp được tính bằng số tháng nghỉ trước so với thời điểm nghỉ hưu nêu trên.

- Đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố đôi dư do sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã nghỉ trong thời gian 12 tháng kể khi có quyết định sắp xếp của cấp có thẩm quyền thì được hưởng trợ cấp như sau:

+ Đối với những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố giữ các chức danh bầu cử: Cứ mỗi tháng nghỉ trước so với thời điểm kết thúc nhiệm kỳ thì được hưởng trợ cấp bằng 1/2 mức phụ cấp hàng tháng hiện hưởng. Riêng đối tượng có thời điểm nghỉ hưu trước thời điểm kết thúc lộ trình sắp xếp thì số tháng được hưởng trợ cấp được tính bằng số tháng nghỉ trước so với thời điểm nghỉ hưu nêu trên;

+ Đối với những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố giữ các chức danh không do bầu cử: Cứ mỗi tháng nghỉ trước so với thời điểm kết thúc lộ trình sắp xếp được hưởng trợ cấp bằng 1/2 mức phụ cấp hàng tháng hiện hưởng. Riêng đối tượng có thời điểm nghỉ hưu trước thời điểm kết thúc lộ trình sắp xếp thì số tháng được hưởng trợ cấp được tính bằng số tháng nghỉ trước so với thời điểm nghỉ hưu nêu trên.

## **5. Về áp dụng Nghị định đối với các đối tượng khác (Điều 18)**

a) Bổ sung đối tượng cán bộ, công chức, viên chức được cấp có thẩm quyền cử sang giữ chức danh lãnh đạo, quản lý tại các quỹ tài chính ngoài ngân sách.

b) Cán bộ, công chức, viên chức cấp huyện, cấp xã đôi dư do sắp xếp lại đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2019-2021 còn chưa giải quyết thì Chủ tịch UBND cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương áp dụng quy định tại Điều 9 Nghị định này để giải quyết chế độ, chính sách cho các trường hợp này. Nguồn kinh phí chi trả chính sách này do ngân sách nhà nước cấp.

## **II. Thời gian, thành phần hồ sơ**

### **1. Thời gian**

Trên cơ sở Kế hoạch tinh giản biên chế hàng năm đã xây dựng; đề nghị các cơ quan, đơn vị, địa phương:

a) Chậm nhất là ngày 01 tháng 10 của năm trước liền kề, các cơ quan, đơn vị, địa phương gửi tờ trình, danh sách, hồ sơ đối tượng tinh giản biên chế 06 tháng đầu năm sau liền kề của cơ quan, đơn vị, địa phương mình để Sở Nội vụ thẩm định và dự toán kinh phí thực hiện tinh giản biên chế Sở Tài chính tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

b) Chậm nhất là ngày 01 tháng 4 hàng năm, các cơ quan, đơn vị, địa phương gửi tờ trình, danh sách, hồ sơ đối tượng tinh giản biên chế 06 tháng cuối

năm của cơ quan, đơn vị, địa phương mình đề Sở Nội vụ thẩm định và dự toán kinh phí thực hiện tinh giản biên chế Sở Tài chính tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

## 2. Thành phần hồ sơ

### a) Hồ sơ đề nghị:

- Văn bản, Tờ trình đề nghị của cơ quan, đơn vị, địa phương.
- Bảng tổng hợp chung của đơn vị, địa phương tính tiền trợ cấp của các đối tượng đề nghị tinh giản biên chế (Phụ lục 2, 1a, 1b, 1c, 1d).
- Số lượng: 02 bộ, gửi Sở Nội vụ (01 bộ), Sở Tài chính (01 bộ).

### b) Hồ sơ cá nhân đối tượng<sup>1</sup>:

- Đơn đề nghị nghỉ hưởng chính sách theo Nghị định số 29/2023/NĐ-CP (trong đó nêu rõ lý do và thời điểm nghỉ theo đối tượng nào).

- Bản ghi quá trình tham gia bảo hiểm xã hội (có ý kiến xác nhận của cơ quan BHXH về tổng thời gian đóng BHXH tính tới thời điểm lập hồ sơ).

- Văn bản của cấp có thẩm quyền xác định đối tượng là cán bộ, công chức, viên chức, người lao động, lãnh đạo công ty,...(Quyết định tuyển dụng công chức, viên chức hoặc văn bản có liên quan đến việc tuyển dụng nhân sự của cấp có thẩm quyền,...).

- Các Quyết định xếp lương, nâng lương theo ngạch, bậc, chức vụ, chức danh, phụ cấp chức vụ, phụ cấp thâm niên vượt khung, phụ cấp thâm niên nghề hoặc phụ cấp công việc nặng nhọc, độc hại nguy hiểm được hưởng trong 60 tháng kể từ ngày đề nghị tinh giản biên chế (bản sao có chứng thực hoặc bản sao được cấp từ sổ gốc).

- Biên bản họp xét của cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý cán bộ, công chức, viên chức thông qua danh sách giải quyết chính sách tinh giản biên chế.

- Phiếu đánh giá cán bộ, công chức, viên chức, đảng viên của cơ quan Đảng, Nhà nước có thẩm quyền (đối với đối tượng nghỉ tinh giản với lý do nhận xét, đánh giá, xếp loại chất lượng đảng viên, cán bộ, công chức, viên chức).

- Bảng tính tiền lương bình quân 60 tháng trước thời điểm tinh giản biên chế của từng đối tượng tinh giản.

- Bảng tính tiền trợ cấp của từng đối tượng đề nghị tinh giản biên chế (Phụ lục 1a, 1b, 1c, 1d, 2).

- Các văn bản, tài liệu chứng minh có liên quan đối tượng có đủ điều kiện giải quyết tinh giản biên chế theo quy định tại Điều 2, Điều 18 Nghị định số 29/2023/NĐ-CP.

- Giấy cam kết chưa hưởng trợ cấp thôi việc hoặc chưa hưởng chế độ bảo hiểm xã hội một lần hoặc chưa hưởng chế độ phục viên, xuất ngũ.

<sup>1</sup> Bản sao có chứng thực hoặc bản sao được chứng thực từ sổ gốc

- Thủ tục, hồ sơ thực hiện chính sách tinh giản biên chế của các cơ quan, đơn vị, địa phương gửi về Sở Nội vụ không đảm bảo, không đúng thời gian quy định theo nội dung công văn này và các văn bản có liên quan thì Sở Nội vụ không tiếp nhận để trình cấp có thẩm quyền giải quyết theo quy định.

Đề nghị Thủ trưởng các sở, ban, ngành, các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; lãnh đạo Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ; Chủ tịch các Hội quần chúng do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ triển khai thực hiện./.

***Nơi nhận:***

- Như trên;
- UBND tỉnh (*báo cáo*);
- Ban Tổ chức Tỉnh ủy (*phối hợp*);
- Sở Nội vụ: Giám đốc, các Phó GD;
- Lưu: VT, P.TCBC.

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**

**Võ Xuân Hoà**